

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Quới
- Ông Nguyễn Quốc Triều

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn:** Ông Trần Hồng S, sinh năm 1953 “vắng mặt”.
- Bị đơn:** Bà Bùi Thị M, sinh năm 1975 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 11/4/2024 nguyên đơn ông Trần Hồng S trình bày: Ông và bị đơn bà Bùi Thị M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/3/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Trần Hồng Ng, sinh ngày 27/7/2020, hiện đang sống với bà M. Trong thời gian chung sống thì ông biết bà M có tính ham mê cờ bạc đã làm tiêu hao tài sản trong gia đình, thậm chí còn nợ nần bên ngoài rất nhiều. Ông có khuyên vợ bỏ cờ bạc, để lo làm ăn nhưng vợ ông không nghe mà ngày một nhiều thêm, từ đó vợ chồng cãi nhau suốt ngày, không còn hạnh phúc như xưa. Vợ ông đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 11/2023 đến nay. Hiện tại ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị M. Con chung ông để bà M tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Su khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn bà Bùi Thị M không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện T phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hồng S.

Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Hồng S được ly hôn với bà Bùi Thị M.

Về con chung: Giao con chung Trần Hồng Ng, sinh ngày 27/7/2020 cho bà Bùi Thị M trực tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi và ông S có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn cho ông Trần Hồng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Hồng S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị M, có địa chỉ ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa

án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Hồng S có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà Bùi Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bà M vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Hồng S và bà Bùi Thị M kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 25/2011 ngày 21/3/2011 và ông S, bà M kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày ông S cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà M mê đánh bạc gây nợ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Sự việc cũng phù hợp với chứng cứ, lời khai mà Tòa án thu thập. Hiện tại ông S xác định không còn tình cảm với bà M và yêu cầu ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông S và bà M có 01 con chung tên Trần Hồng Ng, sinh ngày 27/7/2020, hiện bà M đang nuôi, ông S đề nghị để bà M tiếp tục nuôi tiếp tục nuôi, bà M cũng không có ý kiến gì, hiện tại con chung sống với mẹ M vẫn đảm bảo nên tiếp tục giao con chung cho bà M nuôi, ông S có quyền, nghĩa vụ tham nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M là người trực tiếp nuôi con, không có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, Su này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông S là người cao tuổi và ông S có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí ly hôn cho ông S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hồng S.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Hồng S được ly hôn với bà Bùi Thị M.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Trần Hồng Ng, sinh ngày 27/7/2020 cho bà Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Hồng S không phải cấp dưỡng nuôi và ông S có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn cho ông Trần Hồng S

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- (Giấy kết hôn số: 25 ngày 21/3/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong